TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ LƯƠNG** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 05/2022/HS-ST
Ngày 11/3/2022

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LƯƠNG, TỈNH THÁI NGUYÊN

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Đức Long

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thuyết- Cán bộ nghỉ hưu.

2. Ông Nông Văn Thịnh- Cán bộ nghỉ hưu,

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Đinh Văn Trọng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 3 năm 2022, tại hội trường Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự đã thụ lý số: 117 /2021/TLST-HS ngày 28/12/2021 theo Quyết đinh đưa vụ án ra xét xử số: 02/2022/QĐXX-ST ngày 05 tháng 01 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Trần Văn V, sinh ngày 25/7/1995,** tại huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

Nơi cư trú và chỗ ở: Xóm N, xã Y, huyện P, tỉnh T. Dân tộc: Sán Chí; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Học vấn: 7/12. Con ông: Trần Văn Q- đã chết; Con bà: Trạc Thị H- 1972. Vợ: Chưa có.

Tiền án:

- Tại Bản án số 46/2017/HSST ngày 27/9/2017 của TAND huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên xử phạt Trần Văn V 09 thàng tù về tội "Trộm cắp tài sản".

- Tại bản án số 64/2019/HSST ngày 16/9/2019 của TAND huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên xử phạt Trần Văn V 24 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản".

Tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 08/9/2021. Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Trạc Văn L, sinh ngày 09/11/1989** tại huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

Nơi cư trú và chỗ ở: Xóm N, xã Y, huyện P, tỉnh T. Dân tộc: Sán Chí; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Học vấn: 0/12. Con ông: Trạc Văn C- 1952; Con bà: Trần Thị T- đã chết. Vợ: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 08/9/2021. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1. Trịnh Văn L3- 1957

Trú tại: Xóm Đ3, xã T3, huyện P, tỉnh T (vắng mặt).

2. Trần Văn H4- 1962. (Vắng mặt)

Trú tại: Xóm L2, xã Y2, huyện P, tỉnh T.

3. Lê Quý H5- 1978

Trú tại: Xóm Đ4, xã Đ4, huyện P, tỉnh T (vắng mặt).

4. Tô Công M5- 1971

Trú tại: Xóm Đ4, xã Đ4, huyện P, tỉnh T (vắng mặt).

5. Nguyễn Mạnh H6- 1980

Trú tại: Xóm A, xã Đ4, huyện P, tỉnh T (vắng mặt).

6. Hoàng Văn LA1- 1962

Trú tại: Xóm Đ8, xã Y8, huyện P, tỉnh T. (vắng mặt).

- Người có quyền lợi liên quan:

1. Nguyễn Xuân T8- 1973

Trú tại: Xóm M8, xã P8, huyện P, tỉnh T. (Có mặt)

2. Bùi Văn C1- 1987

Trú tại: TDP L, thị trấn Đ, huyện P, tỉnh T. (Có mặt)

- Người làm chứng:

1. Hứa Văn Nh- 1991

Trú tại: Xóm Đ4, xã Đ4, huyện P, tỉnh T (vắng mặt).

2. Hứa Văn H7- 1997

Trú tại: Xóm Đ4, xã Đ4, huyện P, tỉnh T (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Văn V và Trạc Văn L là những người nghiện ma túy, không có việc làm ổn định. Để có tiền tiêu xài nên trong khoảng thời gian từ ngày 10/8/2021 đến 08/9/2021 V và L đã thực hiện nhiều vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện Phú Lương. Cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 03 giờ 30 phút ngày 10/8/2021 V điều khiển xe mô tô BKS 36F6- 5214 chở L đi đến khu vực Xóm Đ3, xã T3, huyện P, tỉnh T thì phát hiện 01 thùng xe tự chế gắn với đầu máy cày của gia đình anh Trần Văn H4 nên cả hai nảy sinh ý định trộm cắp. V quay đầu xe và đứng C1 giới còn L đi vào khu vực để máy cày dùng tay tháo chốt thùng xe và kéo thùng xe ra chỗ V đứng đợi. Sau đó V điều khiển xe, L ngồi sau kéo thùng xe đến cửa hàng thu mua phế liệu của anh Bùi Văn C1- 1987, trú tại TDP L, thị trấn Đ, huyện P, bán cho anh C1 được 1.000.000 đồng. Số tiền trên V và L chia nhau. Anh C1 đã bán chiếc thùng xe trên cùng các phế liệu khác cho Công ty gang thép Thái Nguyên.

Vụ thứ hai: Khoảng 02 giờ ngày 03/9/2021 V diều khiển xe mô tô BKS 36F6- 5214 chở L đi đến xưởng gỗ của gia đình anh Trịnh Văn L3 ở Xóm Đ3, xã T3, huyện P, tỉnh T để trộm cắp tài sản. Tại đây, L đứng ở ngoài C1 giới. V đi vào trong xưởng xẻ trộm 01 máy nén khí của anh Lê Quý H5 và 01 thùng xe cải tiến của ông Lợi kéo ra chỗ L đứng đợi. Sau đó cả hai kéo xe cải tiến và máy nén khí đem bán cho anh Bùi Văn C1 được số tiền 1.100.000 đồng. Số tiền trên V và L chia nhau.

Vụ thứ ba: Khoảng 2 giờ ngày 05/9/2021 V diều khiển xe mô tô BKS 36F6-5214 chở L đi đến khu vực Xóm Đ4, xã Đ4, huyện P, tỉnh T để trộm cắp tài sản. Phát hiện tại gia đình anh Tô Công M5 có 01 thùng xe tự chế gắn với đầu máy cày. V quay đầu xe và đứng C1 giới. L đi vào tháo thùng xe và kéo ra chỗ V đứng đợi. Sau đó cả hai kéo thùng xe đem bán cho anh Bùi Văn C1 được số tiền 1.500.000 đồng. Số tiền trên V và L chia nhau.

Vụ thứ tư: Khoảng 1 giờ ngày 07/9/2021 V điều khiển xe mô tô BKS 36F6-5214 chở L đi đến khu vực Xóm A, xã Đ4, huyện P, tỉnh T để trộm cắp tài sản. Phát hiện tại gia đình anh Nguyễn Mạnh H6 có 01 thùng xe tự chế gắn với đầu máy cày. V quay đầu xe và đứng C1 giới. L đi vào tháo thùng xe và kéo ra chỗ V đứng đợi. Sau đó cả hai kéo thùng xe đem bán cho anh Nguyễn Xuân T8- 1973, trú tại xóm M8, xã P8, huyện Phú Lương lấy số tiền 2.250.000 đồng. Số tiền trên V và L chia nhau. Sau khi mua thùng xe biết được đó là tài sản do L Và V trộm cắp mà có nên ngày 09/9/2021 anh Tình đã giao nộp cho cơ quan CSĐT- Công an huyện Phú Lương giải quyết.

Vụ thứ năm: Khoảng 00 giờ ngày 08/9/2021 V điều khiển xe mô tô BKS 36F6- 5214 chở L đi đến khu vực Xóm Đ8, xã Y8, huyện P, tỉnh T để trộm cắp tài sản. Phát hiện tại gia đình anh Hoàng Văn LA1 có 01 thùng xe tự chế gắn với đầu máy cày. V quay đầu xe và đứng C1 giới. L đi vào tháo thùng xe và kéo ra chỗ V đứng đợi. Sau đó cả hai kéo thùng xe đi về đến xóm Phố Trào, xã Yên Đổ, huyện Phú Lương thì bị quần chúng nhân dân phát hiện truy đuổi và bị bắt giữ và thu giữ vật chứng.

Cơ quan CSĐT- Công an huyện Phú Lương đã ra quyết định trưng cầu đinh giá tài sản do V và L Trộm cắp.

Tại bản kết L định giá số 65, 69, 67, 66/KLĐG ngày 05/10/2021 của HĐĐG tài sản trong tố tụng hình sự huyện Phú Lương kết L: Chiếc thùng xe của gia đình anh H4 giá trị còn lại là 3.300.000 đồng. Thùng xe tự chế của gia đình anh L3 là 900.000 đồng. Máy nén khí của anh H5 là 640.000 đồng. Thùng xe tự chế của gia đình anh M5 là 3.000.000 đồng. Thùng xe tự chế của anh Nguyễn Mạnh H6 là 1.200.000 đồng. Tại kết luận số 54/KLĐG ngày 08/9/2021 của HĐ ĐG kết luận thùng xe của gia đình anh Luyện trị giá 2.750.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 03/CT-VKSPL ngày 27/12/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố Trần Văn V về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm g khoản 2 Điều 173 của BLHS, truy tố Trạc Văn L về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của BLHS.

Tại phiên tòa ngày hôm nay đại diện VKSND huyện Phú Lương giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị HĐXX:

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 2 Điều 52 của BLHS, xử phạt bị cáo Trần Văn V mức án từ 48 – 54 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của BLHS, xử phạt bị cáo Trạc Văn L mức án từ 24 – 30 tháng tù.

Buộc các bị cáo phải chịu TNDS và án phí theo pháp luật.

Hai bị cáo không bào chữa, không có ý kiến tranh luận tại phiên tòa. Người có quyền lợi liên quan không có ý kiến gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

{1}. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Phú Lương, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo và bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

{2.}Về căn cứ buộc tội:

- Bị cáo V khai: Khoảng 3 giờ 30 phút ngày 10/8/2021 bị cáo điều khiển xe mô tô BKS 36F6- 5214 chở L đi đến khu vực Xóm Đ3, xã T3, huyện P, tỉnh T, thì phát hiện 01 thùng xe tự chế gắn với đầu máy cày của gia đình anh Trần Văn H4 nên cả hai nảy sinh ý định trộm cắp. Bị cáo quay đầu xe và đứng C1 giới còn L đi

vào khu vực để máy cày dùng tay tháo chốt thùng xe và kéo thùng xe ra chỗ bị cáo đứng đợi. Sau đó bị cáo điều khiển xe, L ngồi sau kéo thùng xe đến cửa hàng thu mua phế liệu của anh Bùi Văn C1- 1987, trú tại TDP L, thị trấn Đ, huyện, bán cho anh C1 được 1.000.000 đồng. Cũng với phương thức trên bị cáo và L trộm cắp tại xưởng xẻ của gia đình anh L3 01 xe cải tiến và 01 máy hàn hơi. Vụ thứ ba trộm cắp của gia đình anh M5 01 thùng xe đem bán cho anh C1 lấy tiền chia nhau. Vụ thứ tư cùng L trộm cắp của gia đình anh H5 01 thùng xe đem bán cho anh T4. Vụ thứ năm trộm cắp của gia đình anh LA1 01 thùng xe. Trên đường đem đi tiêu thụ thì bị bắt quả tang.

Bị cáo L thừa nhận cùng V trộm cắp tài sản như lời khai của V.

- Lời khai của bị hại.

- Lời khai người có quyền lợi liên quan và người làm chứng.

- Kết L định giá.

Như vậy Trần Văn V và Trạc Văn L có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự có hành vi lén lút trộm cắp 05 thùng xe tự chế và 01 máy hàn hơi của các anh Trần Văn H4, Trịnh Văn L3, Lý Quý H5, Tô Công M5, Nguyễn Mạnh H6 và Hoàng Văn LA1 với giá trị tài sản có lần trên 2.000.000 đồng, có lần dưới 2.000.000 đồng đã phạm tội "Trộm cắp tài sản". Đối với Trần Văn V đã có 02 tiền án về tội "Trộm cắp tài sản" chưa được xóa án tích nên lần phạm tội lần này đã phạm vào điểm g khoản 2 Điều 173 của BLHS. Đối với Trạc Văn L tổng giá trị tài sản các lần trộm cắp là 11.790.000 đồng nên phạm vào khoản 1 Điều 173 của BLHS.

Tại Điều 173 của BLHS quy định:

1. "Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm".

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

g) Tái phạm nguy hiểm".

Do vậy các bị cáo phải chịu hình phạt mà Điều luật quy định.

{3}. Xét tính chất hành vi:

Xét về tính chất hành vi của bị cáo là nghiêm trọng. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà trong vụ án này là Trần Văn H4, Trịnh Văn L3, Lý Quý H5, Tô Công M5, Nguyễn Mạnh H6 và Hoàng Văn LA1. Hành vi đó còn làm mất trật tự an toàn xã hội.

{4}. Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo:

Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự thì thấy cả hai bị cáo đều phải chịu tình tiết tăng nặng đó là "phạm tội 02 lần trở lên" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của BLHS.

Xét tình tiết giảm nhẹ TNHS thì thấy trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo. Do vậy các bị cáo được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ quy định điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS.

Xét nhân thân của các bị cáo thì thấy bị cáo có một nhân thân xấu. Các bị cáo không chịu tu dưỡng mắc vào tệ nạn xã hội dẫn đến con đường phạm tội.

{5}. Trong vụ án này bị cáo V là người rủ rê nên bị cáo phải chịu trách nhiệm chính.

{6}. Về hình phạt:

Căn cứ vào tính chất hành vi, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo thì cần xử bị cáo V mức án từ 48 đến 54 tháng tù, bị cáo L mức án từ 24 đến 30 tháng tù như đề nghị của VKS là phù hợp.

{7}.Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh H4 yêu cầu các bị cáo bồi thường 3.300.000 đồng, anh L3 yêu cầu bồi thường 900.000 đồng, anh Lý Quý H5 yêu cầu bồi thường 640.000 đồng, anh M5 yêu cầu bồi thường 3.000.000 đồng, anh T8 là người có quyền lợi liên quan yêu cầu bồi thường 2.250.000 đồng. Xét yêu cầu này là phù hợp nên buộc các bị cáo phải bồi thường cho bị hại và người có quyền lợi liên quan đến vụ án. Đối với anh Nguyễn Mạnh H6 và anh Hoàng Văn LA1 đã nhận được tài sản không yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

{8}. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định sung công quỹ nhà nước.

{9}. Về vật chứng: Chiếc xe mô tô BKS 36F6- 5214 qua điều tra xác minh chưa xác định được chủ sở hữu nên cơ quan CSĐT- Công an huyện Phú Lương tách ra để điều tra làm rõ. 03 tấm gỗ lót sàn là tài sản của anh LA1 cần hoàn trả cho anh LA1.

Trong vụ án này anh C1 và anh T8 là người mua tài sản do V và L bán Tuy nhiên khi mua bán mọi người đều không biết tài sản đó do phạm tội mà có, nên hành vi đó không vi phạm pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 173 của BLHS đối với bị cáo L. Điểm g khoản 2 Điều 173 của BLHS đối với bị cáo V. Điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1

Điều 52, 17, 38, 47, 48 của BLHS, Điều 106; 136, 329 của BLTTHS; Điều 170 của BLDS; NQ 326 của UBTVQH.

Tuyên bố: Trần Văn V, Trạc Văn L phạm tội; "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt:

1. Trần Văn V: 48 (bốn mươi tám) tháng tù.Thời hạn thụ hình tính từ ngày bị bắt 08/9/2021. Tạm giam bị cáo V 45 ngày để đảm bảo việc thi hành án.

2. Trạc Văn L: 24 (hai mươi bốn) tháng tù.Thời hạn thụ hình tính từ ngày bị bắt 08/9/2021. Tạm giam bị cáo L 45 ngày để đảm bảo việc thi hành án.

* **Về Trách nhiện dân sự:** Buộc bị cáo V, L liên đới bồi thường cho:

- Anh Trần Văn H4: 3.300.000 đồng. Cụ thể V bồi thường 1.650.000 đồng, L bồi thường 1.650.000 đồng.

- Anh Trịnh Văn L3: 900.000 đồng. Cụ thể V bồi thường 450.000 đồng, L bồi thường 450.000 đồng.

- Anh Lý Quý H5: 640.000 đồng. Cụ thể V bồi thường 320.000 đồng, L bồi thường 320.000 đồng.

- Anh Tô Công M5: 3.000.000 đồng. Cụ thể V bồi thường 1.500.000 đồng, L bồi thường1.500.000 đồng.

- Anh Nguyễn Xuân T8: 2.250.000 đồng. Cụ thể V bồi thường 1.125.000 đồng, L bồi thường 1.125.000 đồng.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*** Về vật chứng:** Hoàn trả anh Hoàng Văn LA1 01 thùng gỗ có kích thước 0,4 x 0,2 x 0,25m và 03 tấm gỗ lót sàn có kích thước lần lượt là 1,87 x 0,22; 1,77 x 0,15m;x 0,35m.

Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện Phú Lương và chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Lương ngày 12/01/2022.

*** Về án phí**: Buộc bị cáo V, L mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí HSST và 300.000 đồng án phí dân sự sung công.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vắng mặt bị hại, báo cho biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đối với người có mặt, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết đối với người vắng mặt.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thái Nguyên (1b);
- Công an huyện Phú Lương (3b);
- VKSND huyện Phú Lương (1b);
- VKSND tỉnh Thái Nguyên (1b);
- Chi cục THADS H. Phú Lương (1b);
- THAHS (03b);
- Bị cáo (2b);
- Lưu hồ sơ (1b).

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Đức Long